TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/KDTM-PT
Ngày 24-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁNNHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Cường

Ông Lương Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2018/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 320/2018/QĐ-PT ngày 10/4/2018 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Q; trụ sở: Số 22 H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công V, cư trú tại số 3 chợ C, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng và ông Nguyễn Hồng S, cư trú tại thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng uỷ quyền số 3558/2016/UQ-VAMC2.SHB ngày 25 tháng 10 năm 2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung uỷ quyền số 1194/2017/UQ2-VAMC2.SHB ngày 08 tháng 3 năm 2017 và văn bản uỷ quyền số 200/QĐ-BIDV.LT ngày 22 tháng 8 năm 2017); đều có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H; trụ sở: Số 66 T, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Văn V, chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H; cư trú tại: Gò C, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản uỷ quyền số 01/UQ-HN ngày 20 tháng 4 năm 2018); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn N và bà Vũ Thị T, cùng cư trú tại thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; ông N có mặt, bà T vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Vũ Thị T: Ông Trần Văn N, cư trú tại thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản uỷ quyền ngày 07 tháng 11 năm 2017), có mặt.

- *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 201, các bản tự cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Công V và ông Nguyễn Hồng S đều thống nhất trình bày:

Ngày 24/10/ 2007, Ngân hàng Thương mại cổ phần Nh, nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần SH (sau đây viết tắt là Ngân hàng SH) với Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H (sau đây viết tắt là Công ty Hải N) đã ký hợp đồng tín dụng số 0710/HP004/HĐTD cho Công ty Hải N vay số tiền là 19.000.000.000 đồng với mục đích để Công ty Hải N mua tàu Hải N 28, thời hạn vay 108 tháng, lãi suất theo thỏa thuận;

Ngày 25/12/ 2012 và ngày 14/8/2013 giữa Ngân hàng SH với Công ty Hải N ký Phụ lục hợp đồng để sửa đổi gia hạn thời hạn vay vốn, giá trị tài sản bảo đảm, điều chỉnh lãi suất và lịch trả nợ gốc.

Ngày 19/3/2008, Ngân hàng SH và Công ty Hải N ký tiếp Hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD cho Công ty Hải N vay 50.000.000.000 đồng với mục đích để Công ty Hải N đóng mới tàu Hải N Star, thời hạn vay 132 tháng, lãi suất theo thỏa thuận.

Ngày 13/6/2012 và ngày 14/8/2013 giữa Ngân hàng SH và Công ty Hải N ký Phụ lục hợp đồng để sửa đổi gia hạn thời hạn vay vốn, giá trị tài sản bảo đảm, điều chỉnh lãi suất và lịch trả nợ gốc.

Tài sản thế chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0710/HP004/HĐTD ngày 24/10/2007 là:

1- Quyền sử dụng đất diện tích 115,5m² và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1617 thuộc tờ bản đồ số 01 tại thôn An Lợi, xã An Lư, huyện Thuỷ Nguyên, đứng tên chủ sử dụng là ông Trần Văn N, đã được Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0873111 ngày 18 tháng 01 năm 1995, số vào sổ cấp giấy: 362QSDĐ/HPTNALQ1;

2- Tàu biển Hải N 28, số đăng kí VN-2599-VT, hô hiệu/IMO XVMY/8668298, giấy chứng nhận đăng kí tàu biển 1762/ĐK-2008.HP do Cơ quan Đăng kí tàu biển khu vực Hải Phòng cấp ngày 11/6/2008 cho chủ sở hữu là Công ty Hải N.

Tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD ngày 19/3/2008 là:

1- Tàu biển Hải N Star, số đăng kí VN-3006-VT, giấy chứng nhận đăng kí tàu biển do Cơ quan Đăng kí tàu biển khu vực Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 10 năm 2013 cho chủ sở hữu là Công ty Hải N;

2- Tàu biển Hải N 06, số đăng kí VN-2717-VT, giấy chứng nhận đăng kí tàu biển do Cơ quan Đăng kí tàu biển khu vực Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2008 cho chủ sở hữu là Công ty Hải N (sau đây gọi tắt là Tàu biển Hải N 06);

3- Tàu biển Hải N 36, số đăng kí VN-2718, giấy chứng nhận đăng kí tàu biển do Cơ quan Đăng kí tàu biển khu vực Hải Phòng cấp ngày 28/10/2008 cho chủ sở hữu là Công ty Hải N.

Các tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty Hải N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Năm 2009 và năm 2010, Ngân hàng đã giải chấp 02 tài sản là tàu Hải N 06 và Hải N 36 để thu hồi nợ. Năm 2012 Ngân hàng nhiều lần cơ cấu lại nợ và gia hạn trả nợ cho Công ty đến hết ngày 27/6/2017.

Ngày 04/8/2015, Ngân hàng SH đã bán toàn bộ khoản nợ của Công ty Hải N cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N (sau đây gọi tắt là Công ty quản lý tài sản) và tiếp tục nhận ủy quyền của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N để tiếp tục theo dõi nghĩa vụ trả nợ của Công ty Hải N. Toàn bộ khoản vay của Công ty Hải N đã chuyển thành nợ quá hạn. Các tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ riêng biệt cho từng hợp đồng tín dụng, không bị ràng buộc bởi hợp đồng nào, không có thỏa thuận nào về ràng buộc, liên đới trách nhiệm về xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp số tiền phát mại thửa đất số 1617 và Tàu biển Hải N 28 để trả nợ cho

Hợp đồng tín dụng số 0710 còn thừa thì phải thanh toán cho số nợ của Hợp đồng tín dụng số 0803 và ngược lại. Tài sản là tàu Hải N 28 và Hải N Star vẫn đang được Công ty Hải N khai thác, hoạt động bình thường, không thay đổi chủ sở hữu, không đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ.

Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N yêu cầu Công ty Hải N phải trả nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N tổng số tiền tính đến hết ngày 09/01/2018 (ngày xét xử sơ thẩm), cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 0710 là 7.028.028.737 đồng (trong đó nợ gốc là 5.431.960.239 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.396.470.626 đồng, lãi quá hạn là 199.597.872 đồng);

Hợp đồng tín dụng số 0803 là 39.827.892.272 đồng (trong đó nợ gốc là 27.240.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.959.339.367 đồng, lãi quá hạn là 628.552.905 đồng);

Cả hai hợp đồng tín dụng đều không yêu cầu thanh toán lãi phạt.

Yêu cầu phát mại theo các hợp đồng thế chấp tương ứng là thửa đất số 1617, Tàu biển Hải N 28 và Tàu biển Hải N Star trong trường hợp bên vay không trả được nợ;

Trường hợp số tiền phát mại thửa đất số 1617 và Tàu biển Hải N 28 để trả nợ cho Hợp đồng tín dụng số 0710 còn thừa thì phải thanh toán cho số nợ của Hợp đồng tín dụng số 0803 và ngược lại nếu số tiền phát mại Tàu biển Hải N Star để trả nợ cho Hợp đồng tín dụng số 0803 còn thừa thì phải thanh toán cho số nợ của Hợp đồng tín dụng số 0710.

Trong văn bản ngày 31 tháng 10 năm 2017, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý với những yêu cầu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N về số tiền vay, số dư nợ gốc và tài sản thế chấp, giải chấp tài sản là tàu Hải N 06 và Hải N 36 cũng như việc mua bán nợ như trên là đúng. Người đại diện hợp pháp của bị đơn có quan điểm yêu cầu đối chiếu lại số nợ lãi vì không thống nhất, các tài sản thế chấp đều tách biệt cho từng hợp đồng tín dụng nên không chấp nhận khi phát mại tài sản số tiền thừa của hợp đồng này sẽ thanh toán cho hợp đồng kia và đề nghị được tất toán hợp đồng 0710 trước để giải chấp tài sản. Tài sản là tàu Hải N 28 và Hải N Star vẫn đang hoạt động bình thường, không đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Nđồng ý với những lời khai của người đại diện của nguyên đơn và người đại diện của bị đơn về việc thế chấp tài sản là thửa đất số 1617 để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 0710/HP004/HĐTD ngày 24/10/2007. Ông N yêu cầu Công ty Hải N phải trả nợ để

Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N giải chấp tài sản cho vợ chồng ông, ông không đồng ý phát mại để trả nợ cho Hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD ngày 19/3/2008 trong trường hợp Công ty Hải N không trả được nợ vì tài sản này không thế chấp cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD ngày 19/3/2008.

Tại Bản án số 01/2018/KDTM-ST ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H phải trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N theo Hợp đồng tín dụng số 0710/HP004/HĐTD ngày 24/10/2007 và Hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD ngày 19/3/2008 với tổng số tiền tính đến hết ngày 09/01/2018 là 46.855.921.009, trong đó:

+ Tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 0710/HP004/HĐTD ngày 24/10/2007 là 5.431.960.239 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 1.596.068.498 đồng.

+ Tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD ngày 19/3/2008 là 27.240.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 12.587.892.272 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H thanh toán đầy đủ số nợ gốc, lãi và lãi suất chậm thi hành án của Hợp đồng tín dụng số 0710/HP004/HĐTD ngày 24 tháng 10 năm 2007 thì Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N phải làm thủ tục giải chấp trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1617, tờ bản đồ số 01, thôn An Lợi, xã An Lư, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng (được Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số D0873111 ngày 10 tháng 01 năm 1995, số vào sổ cấp giấy: 362 QSDĐ/HPTNALQ1) cho ông Trần Văn N và bà Vũ Thị T sử dụng và làm thủ tục giải chấp Tàu biển Hải N 28, số đăng kí VN-2599-VT, hô hiệu/IMO XVMY/8668298, giấy chứng nhận đăng kí tàu biển 1762/ĐK-2008.HP (do Cơ

quan Đăng kí tàu biển khu vực Hải Phòng cấp ngày 11 tháng 06 năm 2008) cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H.

Trường hợp Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H thanh toán đầy đủ số nợ gốc, lãi và lãi suất chậm thi hành án của Hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD ngày 19 tháng 3 năm 2008 thì Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N phải làm thủ tục giải chấp Tàu biển Hải N Star, số đăng kí VN-3006-VT (do Cơ quan Đăng kí tàu biển khu vực Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 10 năm 2013) cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H.

3. Trường hợp Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H không trả được nợ, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N có quyền:

- Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng 115,5m² đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1617, tờ bản đồ số 01 tại thôn An Lợi, xã An Lư, huyện Thuỷ Nguyên, đứng tên chủ sử dụng là ông Trần Văn N, được Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số D0873111 ngày 10 tháng 01 năm 1995, số vào sổ cấp giấy: 362 QSDĐ/HPTNALQ1 và Tàu biển Hải N 28, số đăng kí VN-2599-VT, hô hiệu/IMO XVMY/8668298, giấy chứng nhận đăng kí tàu biển 1762/ĐK-2008.HP do Cơ quan Đăng kí tàu biển khu vực Hải Phòng cấp ngày 11 tháng 06 năm 2008 cho chủ sở hữu là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H để thanh toán cho tổng số tiền 7.000.681.227 đồng của Hợp đồng tín dụng số 0710/HP004/HĐTD ngày 24 tháng 10 năm 2007 và khoản tiền lãi suất chậm thi hành án tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Số tiền phát mại tài sản là quyền sử dụng 115,5m² đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1617, tờ bản đồ số 01 tại thôn An Lợi, xã An Lư, huyện Thuỷ Nguyên đứng tên chủ sử dụng Trần Văn NVũ Thị T và Tàu biển Hải N 28, số đăng kí VN-2599-VT, hô hiệu/IMO XVMY/8668298, giấy chứng nhận đăng kí tàu biển 1762/ĐK-2008.HP của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H để thanh toán cho số nợ gốc, lãi và lãi suất chậm thi hành án của Hợp đồng tín dụng số 0710/HP004/HĐTD ngày 24 tháng 10 năm 2007 còn thừa, được trả lại cho ông N, bà T và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H; Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N phải trả lại các tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1617, tờ bản đồ số 01 tại thôn A, xã A, huyện T cho ông Trần Văn Nbà Vũ Thị T và Tàu biển Hải N 28, số đăng kí VN-2599-VT, hô hiệu/IMO XVMY/8668298, giấy chứng nhận đăng kí tàu biển 1762/ĐK-2008.HP cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H sử dụng.

- Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Tàu biển Hải N Star, số đăng kí VN-3006-VT, giấy chứng nhận đăng kí tàu biển do Cơ quan Đăng kí tàu biển khu vực

Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 10 năm 2013 cho chủ sở hữu là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H để thanh toán cho tổng số tiền 39.708.427.232 đồng của Hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD ngày 19 tháng 3 năm 2008 và khoản tiền lãi suất chậm thi hành án tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Số tiền phát mại tài sản là Tàu biển Hải N Star, số đăng kí VN-3006-VT để thanh toán cho số nợ gốc, lãi và lãi suất chậm thi hành án của Hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD ngày 19 tháng 3 năm 2008 còn thừa được trả lại cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N trả lại tài sản là Tàu biển Hải N Star, số đăng kí VN-3006-VT cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H sử dụng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/01/2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-KDTM kháng nghị một phần Bản án số 01/2018/KDTM-ST ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng do có sai sót về số tiền phải thanh toán và sai lầm trong việc tuyên trả lại tài sản sau khi phát mại tài sản, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa lại một phần bản án sơ thẩm với căn cứ như sau:

1. Sai sót về số tiền phải thanh toán:

Tại trang 07 của bản án, Tòa án tuyên: "Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Q …. tổng số tiền tính đến hết ngày 09/1/2018 là 46.855.921.009 đồng; trong đó, tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 0710 là 5.431.960.239 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 0710 là 1.596.068.498 đồng, tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 0803 là 27.240.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 0803 là 12.587.892.272 đồng."

Như vậy:

- Tổng số tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 0710/HP004/HĐTD ngày 24 tháng 10 năm 2007 là: 5.431.960.239 đồng + 1.596.068.498 đồng = 7.028.028.737 đồng.

- Tổng số tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD ngày 19 tháng 3 năm 2008 là: 27.240.000.000 đồng + 12.587.892.272 đồng = 39.827.892.272 đồng

Tuy nhiên, tại phần 2 của quyết định (trang 9 của bản án), Tòa án lại tuyên:

“Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp … để thanh toán cho tổng số tiền 7.000.681.227 đồng của Hợp đồng tín dụng số 0710/HP0004/HĐTD ngày 24/10/2007 và khoản tiền lãi suất chậm thi hành án tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán

Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp … để thanh toán cho tổng số tiền 39.708.427.232 đồng của Hợp đồng tín dụng số 0803/HP0001/HĐTD ngày 19/3/2008 và khoản tiền lãi suất chậm thi hành án tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán”

Theo Tòa án cấp sơ thẩm tuyên thì số tiền phải thanh toán sau khi phát mại tài sản phải trả cho 02 hợp đồng là 7.000.681.227 đồng + 39.708.427.232 đồng = 46.709.108.459 đồng, chênh lệch so với tổng số tiền phải trả nêu ở phần 1 của quyết định là 146.812.550 đồng (46.855.921.009 đồng - 46.709.108.459 đồng = 146.812.550 đồng).

2. Việc tuyên trả lại tài sản sau khi phát mại tài sản:

Điều 304 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“Điều 304. Bán tài sản cầm cố, thế chấp

1. Việc bán đấu giá tài sản cầm cố, thế chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

2. Việc tự bán tài sản cầm cố, thế chấp của bên nhận bảo đảm được thực hiện theo quy định về bán tài sản trong Bộ luật này và quy định sau đây:

a) Việc thanh toán số tiền có được từ việc xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 307 của Bộ luật này;

b) Sau khi có kết quả bán tài sản thì chủ sở hữu tài sản và bên có quyền xử lý tài sản phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua tài sản.

Khoản 17 Điều 1 Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm quy định:

17. Bổ sung Điều 64a như sau:

“Điều 64a. Bán tài sản bảo đảm

1. Trong trường hợp các bên thỏa thuận phương thức xử lý tài sản bảo đảm là bán đấu giá tài sản thì việc bán đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

2. Trong trường hợp các bên thỏa thuận về việc bán tài sản không thông qua phương thức bán đấu giá thì việc bán tài sản bảo đảm được thực hiện theo các quy định về bán tài sản trong Bộ luật Dân sự và quy định sau đây:

a) Các bên có quyền tự thỏa thuận hoặc thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá tài sản để có cơ sở xác định giá bán tài sản bảo đảm;

b) Bên nhận bảo đảm phải thanh toán cho bên bảo đảm số tiền chênh lệch giữa giá bán tài sản bảo đảm với giá trị của nghĩa vụ được bảo đảm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

c) Sau khi có kết quả bán tài sản thì chủ sở hữu tài sản và bên có quyền xử lý tài sản bảo đảm có trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua tài sản bảo đảm".

Như vậy, trong trường hợp phát mại tài sản thế chấp thì quyền sở hữu tài sản sẽ thuộc về bên mua tài sản và bên có quyền xử lý tài sản, chủ sở hữu tài sản phải thực hiện các thủ tục theo quy định để chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua tài sản chứ không phải "trả lại các tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1617, tờ bản đồ số 01, thôn An Lợi, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên cho ông Trần Văn N bà Vũ Thị T và Tàu biển Hải N 28, số đăng ký VN-2599-VT, hô hiệu/IMO XVMY/8668298, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số 1762/ĐK-2008.HP cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H sử dụng" và "trả lại tài sản là tàu biển Hải N Star, số đăng ký VN-3006-VT cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H sử dụng" như Tòa án sơ thẩm đã tuyên.

Việc Tòa án sơ thẩm quyết định tại bản án như vậy là vi phạm Điều 304 của Bộ luật Dân sự, khoản 17 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, gây khó khăn trong quá trình thi hành án dân sự.

Đại diện của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt N, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H và ông Trần Văn N đồng ý với nội dung và căn cứ kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng. Không có ý kiến tranh luận.

Ông Trần Văn N có yêu cầu nếu trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ cho nguyên đơn và phải phát mại tài sản của vợ chồng ông thì ông yêu cầu được thanh toán thay số nợ cho bị đơn để không phải phát mại tài sản của vợ chồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về việc chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, khai mạc phiên tòa, xét hỏi … tại phiên tòa, các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và sự điều khiển của Hội đồng xét xử tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại Điều 30, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/01/2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng kháng nghị bản án sơ thẩm. Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng trong hạn luật định.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán: Do Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo 02 hợp đồng tín dụng 0710/HP0004/HĐTD ngày 24/10/2007 và 0803/HP0001/HĐTD ngày 19/3/2008 nên Công ty TNHH Một thành viên Q yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi như sau:

1. Theo Hợp đồng tín dụng 0710/HP0004/HĐTD ngày 24/10/2007 là 7.028.028.737 đồng (trong đó nợ gốc là 5.431.960.239 đồng, lãi trong hạn là 1.396.470.626 đồng và lãi quá hạn là 199.597.872 đồng).

2. Theo Hợp đồng tín dụng 0803/HP0001/HĐTD ngày 19/3/2008 là 39.872.892.272 đồng (trong đó nợ gốc là 27.240.000.000 đồng, lãi trong hạn là 11.959.339.367 đồng, lãi quá hạn là 628.552.905 đồng).

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất số dư nợ gốc và nợ lãi như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định yêu cầu khởi kiện về thanh toán nợ gốc và lãi của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với phần 1 của Quyết định bản án sơ thẩm đã Quyết định: "Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Q tổng số tiền tính đến hết ngày 09/1/2018 là 46.855.921.009 (trong đó: Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 0710/HP0004/HĐTD ngày 2410/2007 là 5.431.960.239 đồng, lãi

trong hạn và lãi quá hạn là 1.596.068.498 đồng. Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 0803/HP0001/HĐTD ngày 19/3/2008 là 27.240.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 12.587.892.272 đồng).

[5] Tuy nhiên, tại phần 2 của Quyết định, bản án lại tuyên là "Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp … để thanh toán cho tổng số tiền 7.000.681.227 đồng của Hợp đồng tín dụng số 0710/HP0004/HĐTD ngày 24/10/2007 và khoản tiền lãi suất chậm thi hành án tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán" và "Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp … để thanh toán cho tổng số tiền 39.708.427.232 đồng của Hợp đồng tín dụng số 0803/HP0001/HĐTD ngày 19/3/2008 và khoản tiền lãi suất chậm thi hành án tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán" là không đúng với số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn.

[6] Về phát mại tài sản bảo đảm: Căn cứ Điều 304 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì trong trường hợp phát mại tài sản thế chấp thì quyền sở hữu tài sản sẽ thuộc về bên mua tài sản và bên có quyền xử lý tài sản, chủ sở hữu tài sản phải thực hiện các thủ tục theo quy định để chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua tài sản chứ không phải "trả lại các tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1617, tờ bản đồ số 01, thôn An Lợi, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên cho ông Trần Văn Nbà Vũ Thị T và Tàu biển Hải N 28, số đăng ký VN-2599-VT, hô hiệu/IMO XVMY/8668298, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số 1762/ĐK-2008.HP cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H sử dụng" và "trả lại tài sản là tàu biển Hải N Star, số đăng ký VN-3006-VT cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H sử dụng" như Tòa án sơ thẩm đã tuyên.

[7] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về nội dung: Trường hợp số tiền phát mại thửa đất số 1617 và Tàu biển Hải N 28 để trả nợ cho Hợp đồng tín dụng số 0710/HP0001/HĐTD ngày 24/10/2007 còn thừa thì phải thanh toán cho số nợ của Hợp đồng tín dụng số 0803/HP0001/HĐTD ngày 19/3/2008 và ngược lại nếu số tiền phát mại Tàu biển Hải N Star để trả nợ cho Hợp đồng tín dụng số 0803/HP0001/HĐTD ngày 19/3/2008 còn thừa thì phải thanh toán cho số nợ của Hợp đồng tín dụng số 0710/HP0001/HĐTD ngày 24/10/2007, thấy rằng: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận các tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ riêng biệt cho từng hợp đồng tín dụng, không bị ràng buộc bởi hợp đồng nào, không có thỏa thuận nào về ràng buộc, liên đới trách nhiệm về xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp số tiền phát mại thửa đất số 1617 và Tàu biển Hải N 28 để trả nợ cho Hợp đồng tín dụng số 0710 còn thừa thì phải thanh toán cho số nợ của Hợp đồng tín dụng số 0803 và ngược lại. Lời khai của các đương sự phù hợp với tài liệu có

trong hồ sơ vụ án. Như vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[8] Từ nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, sửa Bản án sơ thẩm số số 01/2018/KDTM-ST ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[9] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[10] *Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm*: Trường hợp Viện Kiểm sát kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm không phải nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 148 và Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 122, Điều 323, Điều 343, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 715 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 298, Điều 299, Điều 304 ,Điều 365, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 17 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 11 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, sửa một phần bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Q như sau:

Buộc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H phải trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0710/HP004/HĐTD ngày 24/10/2007 và Hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD ngày19/3/2008, tính đến hết ngày 09/01/2018 là 46.855.921.009 đồng, trong đó:

1.1. Tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 0710/HP004/HĐTD ngày 24 tháng 10 năm 2007 là 5.431.960.239 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 1.596.068.498 đồng.

1.2. Tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD ngày 19 tháng 3 năm 2008 là 27.240.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 12.587.892.272 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất vay mà Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H không trả được nợ thì Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp là:

2.1. Quyền sử dụng 115,5m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1617 thuộc tờ bản đồ số 01 ở thôn An Lợi, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0873111 ngày 18 tháng 01 năm 1995, số vào sổ cấp giấy: 362QSDĐ/HPTNALQ1 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Trần Văn Nvà Tàu biển Hải N 28, trọng tải 3.061 tấn, số đăng ký VN-2599-VT, Hô hiệu/IMO: XVMY, số giấy CNĐKTB: 1762/ĐK-2008.HP do Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực Hải Phòng cấp ngày 11/6/2008 để thanh toán cho nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 0710/HP004/HĐTD ngày 24/10/2007 là 5.431.960.239 đồng cùng tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là 1.596.068.498 đồng và khoản tiền lãi suất chậm thi hành án tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

2.2. Tàu biển Hải N Star, trọng tải 3.901,5 tấn, Hô hiệu/IMO: XVIC/9545742, số đăng ký: VN-3006-VT do Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực Hải Phòng cấp ngày 30/10/2013, chủ sở hữu Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H để thanh toán cho số tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 0803/HP001/HĐTD ngày 19/3/2008 là 27.240.000.000 đồng cùng tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là 12.587.892.272 đồng và khoản tiền lãi suất chậm thi hành án tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

3. Về án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H phải chịu 154.855.900 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Q số tiền 77.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai số AA/2014/0005833 ngày 12/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Viện trưởng Viện Kiểm sát kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm không phải nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp